

Bản án số: 24/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 16/7/2021
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Chuyên.
2. Bà Hoàng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1970.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư K 2, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày: chị và anh Phùng Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/9/1994 tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh Đ ở khu dân cư K2, phường V cùng với với mẹ đẻ của anh Đ, sau đó đến năm 1997 vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống đến năm 2004 giữa hai vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không chịu làm kinh tế, thường xuyên chơi bời, có quan hệ nam nữ không lành mạnh. Sự việc này diễn ra nhiều lần trong một thời gian dài. Chị đã khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Đến năm 2006, chị và anh Đ sống ly thân. Từ đó đến nay, anh Đ không đi lại, thăm nom chị và các con nữa. Hiện tại anh Đ ở đâu và làm gì thì chị không biết chính xác. Trải qua thời gian dài sống ly thân, hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Phùng Thị M, sinh ngày 04/5/1995 và Phùng Văn P, sinh ngày 18/10/1996. Cả hai con chung đều đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh Đ. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Phùng Văn Đ. Tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Đ trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau, anh Đ ham chơi, không quan tâm tới gia đình nên giữa anh Đ và chị M có mâu thuẫn. Khoảng năm 2007-2008, anh chị sống ly thân. Hiện tại anh Đ đang làm việc tại miền Nam, còn cụ thể ở đâu thì bà không biết vì những lần mẹ con gọi điện thoại cho nhau anh Đ không nói về cụ thể về công việc và nơi ở. Khoảng tháng 1 năm 2021, anh Đ có về nhà để chịu tang anh trai khoảng 10 ngày rồi lại vào miền Nam làm kinh tế. Bà sẽ thông báo nội dung làm việc của Tòa án cho anh Đ được biết. Anh chị có 2 con chung là Phùng Thị M, sinh năm 1995 và Phùng Văn P, sinh năm 1996. Hiện cả hai cháu đều trưởng thành.

Đại diện chính quyền khu dân cư K 2, phường V xác định chị M và anh Đ đã sống ly thân từ nhiều năm nay, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền khu dân cư không nắm được. Anh Đ thường đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Hiện các con của anh chị đều đã trưởng thành.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về

việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Phùng Thị M, sinh ngày 04/5/1995 và Phùng Văn P, sinh ngày 18/10/1996. Cả hai con chung đều đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị M khởi kiện xin ly hôn với anh Phùng Văn Đ có địa chỉ thường trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị M và anh Phùng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/1994 tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến khoảng năm 2004 giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh Đ mãi chơi không chịu khó làm kinh tế xây dựng gia đình, có biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị M và gia đình anh Đ đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe, không thay đổi. Chính vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khiến cuộc sống hôn nhân rất nặng nề. Khoảng năm 2006, chị M và anh Đ sống ly thân. Chị M không biết anh Đ đi đâu

và làm gì, còn anh Đ đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà nhưng khi về cũng không gặp gỡ chị M và thăm nom các con. Như vậy thời gian sống ly thân của vợ chồng chị M, anh Đ kéo dài, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Phùng Thị M, sinh ngày 04/5/1995 và Phùng Văn P, sinh ngày 18/10/1996. Cả hai con chung đều đủ tuổi trưởng thành, chị M không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Phùng Văn Đ.

2. Về con chung: Chị M và anh Đ có 2 con chung là Phùng Thị M, sinh ngày 04/5/1995 và Phùng Văn P, sinh ngày 18/10/1996. Cả hai con chung đều đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006834 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị M đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường V, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà